

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/HC-ST

Ngày: 29/11/2018

V/v “*Khởi kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phi Long

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thư và ông Sin Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lự Thị Như Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2018/TLST-HC ngày 26 tháng 6 năm 2018 về việc “*Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2018/QĐST-HC ngày 23 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 110 /2018/QĐST-HC ngày 14/11/2018 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Nguyễn Lan A.

Địa chỉ: Tổ 3B, thị trấn P, huyện S, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị D.

Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn A, huyện C, thành phố Hà Nội.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Tân Ph- Quyền Chủ tịch UBND huyện S.

Địa chỉ: Số 091, phố Xuân Viên, thị trấn P, huyện S, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản khai và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

Về nguồn gốc đất: Toàn bộ diện tích đất 1.502,1m² đất vườn trồng cây hàng năm được gia đình bố đẻ bà Nguyễn Lan A (là ông Nguyễn Thế B) khai hoang sử dụng từ năm 1985. Năm 2004, ông Nguyễn Thế B và bà Vũ Thị Ch ly hôn. Ngày 24/4/2004 gia đình đã tự thỏa thuận phân chia tài sản cho các con. Bà Lan A được gia đình chia cho số diện tích đất nêu trên. Ngay sau khi được tặng cho bà tiếp tục sử dụng đất liên tục để trồng cây hàng năm cụ thể là trồng cây hoa ly cho đến nay. Trong suốt quá trình gia đình sử dụng đất chưa bị Ủy ban nhân dân các cấp, hoặc các cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính về hành vi sử dụng đất trái pháp luật hoặc có hành vi hủy hoại đất, lấn chiếm bất hợp pháp đất.

Quá trình Ủy ban nhân dân huyện S thu hồi đất:

Ngày 10/01/2018, bà Lan A nhận được thông báo số 31/QĐ – UBND của UBND huyện S về việc kiểm đếm bắt buộc.

Ngày 18/1/2018, bà Lan A nhận được Giấy mời số 21/GM – UBND về việc vận động, thuyết phục người có đất thu hồi phối hợp kiểm đếm đất, tài sản trên đất trong phạm vi quy hoạch xây dựng Chợ văn hóa – Bến xe khách thị trấn P.

Ngày 19/1/2018 Ý kiến của ông Nguyễn Thế B và bà Cao Thị Kim L đại diện cho gia đình yêu cầu UBND huyện S phải làm rõ và trả lời việc thu hồi đất của hộ gia đình bà Lan A để phục vụ mục đích gì đồng thời yêu cầu hủy Quyết định kiểm đếm bắt buộc.

Ngày 22/1/2018 bà Lan A nhận được Quyết định số: 75/QĐ – UBND ngày 22/1/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S về việc cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc.

Ngày 24/1/2018 bà Lan A đại diện hộ gia đình đã tham gia buổi làm việc vận động, thuyết phục hộ gia đình có đất thu hồi, phối hợp với tổ công tác GPMB kiểm đếm đất và tài sản trên đất thu hồi.

Ngày 09/2/2018, bà Lan A đại diện hộ gia đình phối hợp cùng tổ công tác của UBND huyện S đã tiến hành kiểm đếm tài sản.

Ngày 20/4/2018 bà Lan A nhận Quyết định: số 451/QĐ - UBND ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện S về việc thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ Văn hóa - Bến xe khách thị trấn P, huyện S, tỉnh Lào Cai và Quyết định số 448/QĐ - UBND ngày 20/4/2018 của UBND huyện S về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư..

Ngày 31/5/2018 Người đại diện theo ủy quyền của bà Lan A là bà Nguyễn Thị D đã nhận:

- Bảng tổng hợp áp giá bổ sung không đề ngày chỉ có tháng 5 năm 2018
- Quyết định số: 567/QĐ - UBND ngày 29/5/2018 của UBND huyện S về việc phê duyệt phương án, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư...
- Thông báo số 70/TB - TTPTQĐ ngày 30/5/2018 về việc nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao đất đã có quyết định thu hồi đất.

Những vi phạm của UBND huyện S về trình tự thu hồi đất UBND huyện S vi phạm về trình tự thủ tục khi thu hồi đất:

Vi phạm Khoản 1 Điều 67 Luật đất đai năm 2013. UBND huyện S thu hồi đất của hộ gia đình bà Lan A là đất nông nghiệp nhưng lại không thực hiện việc thông báo trước thời gian chậm nhất là 90 ngày theo quy định của pháp luật

Vi phạm điểm a Khoản 1 Điều 69 : UBND huyện S không ban hành thông báo thu hồi đất đối với hộ gia đình bà Lan A và cũng không giao thông báo thu hồi đất cho hộ gia đình trước 90 ngày theo quy định của pháp luật.

UBND huyện S thu hồi đất của hộ gia đình bà Lan A là đất nông nghiệp nhưng lại không thực hiện việc thông báo trước thời gian chậm nhất là 90 ngày theo quy định của pháp luật nhưng lại tiến hành đo đạc kiểm đếm, Ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc số: 31 và Quyết định cưỡng chế số 75/QĐ - UBND.

Loại đất UBND huyện S thu hồi theo Điều 1 Quyết định số 451/QĐ - UBND là không đúng: Đất của hộ gia đình là đất trồng cây hàng năm. Chứ không phải là đất rừng sản xuất như quyết định thu hồi đất.

UBND huyện S thu hồi đất không có căn cứ theo Điều 62 Luật đất đai 2013.

Quyết định số: 456/QĐ - UBND trái pháp luật cho nên Quyết định số 448/QĐ - UBND ngày 20/4/2018 về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư để thực hiện xây dựng dự án: Xây dựng hạ tầng san tạo mặt bằng chợ Văn hóa Bến xe khách thị trấn P và Quyết định số 567/QĐ - UBND ngày 29/5/2018 của UBND huyện S đương nhiên không có giá trị và trái pháp luật.

Việc Ủy ban nhân dân huyện S ban hành Quyết định thu hồi đất số: 451/QĐ - UBND ngày 20/4/2018 của UBND huyện S là Quyết định trái pháp luật xâm phạm nghiêm trọng tới quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lan A và gia đình.

Vì vậy người khởi kiện yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai tuyên hủy:

- Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND huyện S, v/v thu hồi đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa- bến xe khách thị trấn P, huyện S đối với hộ bà Nguyễn Lan A;

- Một phần Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND huyện S, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa- bến xe khách thị trấn P liên quan đến hộ bà Nguyễn Lan A;

- Một phần Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của UBND huyện S, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa- bến xe khách thị trấn P liên quan đến hộ bà Nguyễn Lan A.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ Văn hóa - Bến xe thị trấn P (theo Luật Đất đai năm 2003).

Về định hướng theo quy hoạch: Ngày 04/5/2004, UBND tỉnh Lào Cai đã ban hành Quyết định số 213/2004/QĐ-UB về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu Chợ văn hóa - Bến xe khách thị trấn P, với tổng diện tích 680.202m². Mục tiêu của quy hoạch là hình thành một khu dân cư đô thị, phát triển đô thị với quy hoạch sử dụng đất chủ yếu xây dựng các công trình nhà ở, dịch vụ thương mại và du lịch, các công trình phúc lợi, công cộng và hạ tầng kỹ thuật.

Về định hướng theo Quy chế đô thị: Quy chế đô thị S được ban hành lần đầu tiên vào năm 2004, theo Quyết định số 498/QĐ-UB ngày 08/9/2004 của UBND tỉnh Lào Cai được UBND tỉnh Lào Cai ban hành sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung vào năm 2012, theo Quyết định số 1584/QĐ-UBND ngày 28/6/2012. Theo đó, toàn bộ diện tích được quy hoạch thực hiện dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ Văn hóa - Bến xe khách thị trấn P thuộc Khu mở rộng (Kmr) gồm: Khu phố chợ mới (KmrA) và Khu đồi thông (KmrB, KmrC). Cụ thể mục tiêu quy hoạch như sau:

Theo Quy chế đô thị S năm 2004, ban hành kèm theo Quyết định số 498/QĐ-UB ngày 08/9/2004 của UBND tỉnh Lào Cai: Khu Chợ văn hóa và Bến xe khách S thuộc trong Khu chợ mới - KmrA *“mục tiêu là xây dựng một khu phố mới có cùng mật độ như khu trung tâm mật độ cao; bố trí các công trình phúc lợi công cộng lớn, một khu chợ, một bến xe; quy hoạch các không gian tư nhân trồng cây và các không gian công cộng tạo sự thuận lợi và đem lại sự thoáng mát cho cuộc sống đô thị cũng như là các hoạt động ở các công trình công cộng”* và Khu đồi thông - KmrC *“mục tiêu là xây dựng các khu phố nhà ở mới của Sa Pa, đồng thời gìn giữ các cây thân gỗ có sẵn nhờ việc xây dựng các ngôi nhà dưới tán lá cây”*.

Theo Quy chế đô thị S năm 2012, ban hành kèm theo Quyết định số 1584/QĐ-UBND ngày 28/6/2012 của UBND tỉnh Lào Cai: Khu Chợ văn hóa và Bến xe khách S thuộc trong Khu phố chợ mới - KmrA *“mục tiêu của khu này là phát triển một khu phố với mật độ tương đương với khu trung tâm, bố trí các công trình phúc lợi công cộng lớn, một khu chợ, một bến xe, dành ra các không gian tư nhân và công cộng, để thoáng nhằm tạo thuận lợi và tạo ra sự thoải mái cho cuộc sống đô thị”* và Khu đồi thông - KmrB *“mục tiêu là phát triển một khu phố nhà ở mới, đồng thời bảo tồn rừng cây hiện có, nhờ việc phát triển các công trình theo đúng quy định, thấp tầng và hòa nhập vào địa hình”*.

Như vậy, từ quy hoạch chi tiết và Quy chế đô thị S được UBND tỉnh Lào Cai phê duyệt đều thống nhất Ch là đối với toàn bộ diện tích thực hiện dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ Văn hóa - Bến xe khách thị trấn P, mục tiêu là hình thành một khu dân cư đô thị mới, mở rộng đô thị, phát triển đô thị, với quy hoạch sử dụng đất chủ yếu xây dựng các công trình nhà ở, dịch vụ thương mại và du lịch, các công trình phúc lợi, công cộng và hạ tầng kỹ thuật.

Về mục tiêu của dự án: Trên cơ sở quy hoạch chi tiết Khu Chợ văn hóa và Bến xe khách thị trấn P, được UBND tỉnh Lào Cai phê duyệt tại Quyết định số 213/2004/QĐ-UB ngày 04/5/2004; dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ Văn hóa - Bến xe khách thị trấn P được UBND tỉnh Lào Cai phê duyệt theo Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 20/6/2005.

Theo dự án được phê duyệt thì dự án do UBND huyện S làm chủ đầu tư. Dự án được lập trên diện tích là 300.113m², với mục đích hình thành một khu dân cư đô thị mới, mở rộng đô thị, đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá thị trấn P, xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, đồng thời tạo quỹ đất để bố trí các công trình công cộng và bố trí dân cư.

Về việc Nhà nước thu hồi đất khi thực hiện dự án: Dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất, được quy định cụ thể tại các văn bản quy phạm pháp luật cụ thể như sau:

Theo Luật Đất đai: Tại Khoản 1 Điều 38 Luật Đất đai quy định như sau: *“Nhà nước sử dụng đất vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, phát triển kinh tế”*. Theo quy hoạch, quy chế đô thị và mục tiêu của dự án được UBND tỉnh Lào Cai phê duyệt, thì dự án có mục đích phục vụ lợi ích công cộng. Như vậy, dự án thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất.

Theo Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai: Tại Điểm đ Khoản 1 Điều 36 Nghị định 181/2004/NĐ-CP quy định: Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng trong những trường hợp sau: *“Sử dụng đất để chỉnh trang, phát triển khu đô thị”*.

Tại Khoản 1 Điều 82 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai quy định: Đất sử dụng để chỉnh trang, phát triển đô thị *“Đối với quy hoạch mở rộng hoặc xây dựng mới các tuyến đường giao thông đô thị và khu dân cư nông thôn thì phải xác định rõ diện tích đất sử dụng để làm đường và diện tích đất hai bên đường sẽ thu hồi để khai thác quỹ đất, tạo cảnh quan và bảo vệ môi trường”*;

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 34 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định như sau: *“Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án khu dân cư (bao gồm dự án hạ tầng khu dân cư và dự án nhà ở), trung tâm thương mại, khách sạn cao cấp trong các trường hợp sau đây: ... Các dự án trong khu vực mở rộng khu đô thị hiện có hoặc khu đô thị mới được thể*

hiện trong quy hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch Ch xây dựng đô thị hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt ...”.

Như vậy, toàn bộ diện tích đất theo quy hoạch sử dụng làm hạ tầng kỹ thuật, bố trí dân cư và công trình công cộng của dự án thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất.

Về việc thu hồi đối với trường hợp của hộ bà Nguyễn Lan A - tổ 3B, thị trấn P.

Căn cứ đề thu hồi đất thực hiện dự án: Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 36 và Khoản 1 Điều 82 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; điểm b Khoản 2 Điều 34 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 Quy định về bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai.

Về trình tự thủ tục: Diện tích đất ban đầu là của hộ ông Nguyễn Thế B, sau khi tiến hành kiểm tra, thấy ông B đã tặng cho các con, việc tặng cho là hợp pháp nên UBND huyện S đã tiến hành các thủ tục thu hồi đất đối với từng hộ, trình tự thủ tục được thực hiện đúng quy định

Về thẩm quyền thu hồi đất: Phạm vi thu hồi của UBND huyện S đảm bảo theo thẩm quyền theo quy định Điều 62 Luật đất đai. Trong giai đoạn chuyển tiếp từ Luật đất đai 2003 sang Luật đất đai 2013. UBND huyện S đã thực hiện đúng các điều khoản chuyển tiếp theo luật đất đai

Căn cứ Điều 63 Luật Đất đai năm 2013:

“Việc thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phải dựa trên các căn cứ sau đây:

1. Dự án thuộc các trường hợp thu hồi đất quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật này;

2. Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

3. Tiến độ sử dụng đất thực hiện dự án.”

Luật Đất đai năm 2013 quy định về điều khoản chuyển tiếp như sau: Tại Khoản 6, Điều 210 quy định như sau:

“6. Đối với những dự án, hạng mục đã chi trả xong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì không áp dụng theo quy định của Luật này. Trường hợp những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng theo quy định của Luật này”.

Về nội dung: Toàn bộ thửa đất mà ông B cho tặng con cái trước đây được nhà nước Quyết định cấp đất làm vườn rừng số 51 ngày 15/6/1992 (do ông B cung cấp). Diện tích đất là 02ha ghi rõ toàn bộ là đất trồng rừng, ông B tặng cho con cái nhưng không có đăng ký chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền. Tại thời điểm thống kê, trên đất có trồng cây hàng năm nhưng UBND huyện S vẫn xác định diện tích đất là đất trồng rừng nhưng do người dân tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng đất có hiệu quả kinh tế tốt hơn là việc cần khuyến khích nên không xử phạt.

Theo Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND huyện S, với diện tích thu hồi là 1.502,1m² đất rừng sản xuất (vị trí 1); Phê duyệt phương án Bồi thường tại Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 và Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 29/5/2018.

Như vậy, việc UBND huyện S căn cứ Luật Đất đai theo điều khoản của các quy định trên để thu hồi đất của **hộ bà Nguyễn Lan A** là đúng với quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng hành chính từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 187 Luật Tố tụng Hành chính tạm ngừng phiên tòa để thu thập bổ sung các tài liệu chứng cứ sau đây:

- Tài liệu về việc thực hiện các trình tự, thủ tục thông báo thu hồi đất theo đúng các quy định tại điểm a khoản 1 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

- Tài liệu về việc phê duyệt dự án và việc thu hồi đất- chuyển đổi mục đích sử dụng đất bị thu hồi theo dự án có liên quan trong vụ án.

- Thu thập bổ sung các danh mục dự án được phê duyệt theo Văn bản 298 ngày 25/11/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Thu thập các tờ trình của UBND tỉnh Lào Cai đề nghị HĐND tỉnh chấp thuận dự án để có cơ sở xác định chính xác loại đất thu hồi.

- Tiếp tục làm rõ các mâu thuẫn giữa các tài liệu chứng cứ: do người bị kiện cung cấp và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án trong việc xác định nguồn gốc và loại đất bị thu hồi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quyền khởi kiện của bà Nguyễn Lan A: Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND huyện S về việc thu hồi đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe khách thị trấn P, huyện S đối với hộ bà Nguyễn Lan A; một phần Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 và một phần Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của UBND huyện S về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe khách thị trấn P liên quan đến hộ bà Nguyễn Lan A ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Lan A. Vì vậy, bà Nguyễn Lan A có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 115 của Luật tố tụng hành chính.

[2] Về đối tượng khởi kiện: Các quyết định trên đều là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 3; Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

[3] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Quyết định bị kiện do UBND huyện S, tỉnh Lào Cai ban hành, theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai thụ lý giải quyết vụ án “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” giữa người khởi kiện: bà Nguyễn

Lan A a, người bị kiện: UBND huyện S, tỉnh Lào Cai là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 20/4/2018 Ủy ban nhân dân huyện S tiến hành niêm yết quyết định thu hồi đất số 456/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 và Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND huyện S. Ngày 31/5/2018 người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Lan A là bà Nguyễn Thị D đã nhận được quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của UBND huyện S. Đến ngày 14/6/2018, bà Nguyễn Lan A khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai. Như vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính đơn khởi kiện của bà Nguyễn Lan A nộp tại Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai trong thời hạn luật định.

[5] Xét tính hợp pháp của quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND huyện S về việc thu hồi đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe khách thị trấn P, huyện S đối với hộ bà Nguyễn Lan A.

Về thẩm quyền ban hành quyết định: Khoản 2 Điều 66 Luật đất đai 2013 quy định như sau: 2.) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất trong các trường hợp sau đây: a) Thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư....) Căn cứ quy định trên, việc UBND huyện S ban hành Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Lan A là đúng thẩm quyền.

Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Ngày 03/4/2017, UBND huyện S ban hành thông báo thu hồi đất số 40/TB-UBND để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa -Bến xe khách thị trấn P.

Ngày 03/4/2017, UBND huyện S tiến hành niêm yết công khai thông báo số 40/TB-UBND ngày 03/4/2017 tại UBND thị trấn P và địa điểm sinh hoạt của tổ dân phố số 2A, 2B, 3A, 3 thị trấn P.

Sau khi UBND huyện S tiến hành thông báo và vận động các hộ dân nhưng hộ bà Nguyễn Lan A không phối hợp để thực hiện việc kiểm đếm tài sản. Ngày 10/01/2018 Chủ tịch UBND huyện S ban hành quyết định số 33/QĐ-UBND về việc kiểm đếm bắt buộc đối với hộ bà Nguyễn Lan A, tiến hành niêm yết công khai đúng quy định pháp luật.

Ngày 22/01/2018 Chủ tịch UBND huyện S ban hành quyết định số 75/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc đối với hộ bà Nguyễn Lan A.

Ngày 09/02/2018 tiến hành kiểm đếm số lượng đất đai, tài sản, hoa màu trên diện tích đất, tại biên bản kiểm đếm có chữ ký của bà Nguyễn Lan A, công nhận số liệu tại biên bản và chưa đồng ý cho thu hồi.

Ngày 20/4/2018 UBND huyện S ban hành quyết định thu hồi đất số 451/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe khách thị trấn P, huyện S.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 67 của Luật đất đai năm 2013 quy định về thông báo thu hồi đất và chấp hành quyết định thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng như sau:

“1. Trước khi có quyết định thu hồi đất, chậm nhất là 90 ngày đối với đất nông nghiệp và 180 ngày đối với đất phi nông nghiệp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thông báo thu hồi đất cho người có đất thu hồi biết. Nội dung thông báo thu hồi đất bao gồm kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm”. Ngày 03/4/2017, UBND huyện S đã ban hành thông báo thu hồi đất số 40/TB-UBND, đến ngày 20/4/2018 UBND huyện S ban hành quyết định số 456/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Lan A.

Như vậy, việc ban hành quyết định thu hồi là đảm bảo thời hạn luật định, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện.

Về nội dung quyết định: Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND huyện S tại Điều 1 xác định như sau: *“Điều 1 thu hồi 1.502,1m² đất rừng sản xuất (vị trí 1), của bà Nguyễn Lan A tại tổ dân phố số 3B, thị trấn P, huyện S.....).* UBND huyện S xác định diện tích đất của bà Nguyễn Lan A là đất trồng rừng sản xuất. Tuy nhiên, trong nội dung thông báo thu hồi đất số 40/TB-UBND ngày 03/4/2017 của UBND huyện S không ghi rõ địa chỉ thửa đất thu hồi, chỉ ghi Ch Ch tại thị trấn P, huyện S, không ghi diện tích đất được thu hồi, loại đất đang sử dụng là không đúng quy định tại mẫu số 07 Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Trong quyết định cấp đất làm vườn rừng số 51 ngày 15/6/1992 của UBND huyện S tại phần quyết định có ghi nay cấp cho ông Nguyễn Thế B, không có

địa chỉ người được cấp đất, không ghi địa chỉ, ranh giới diện tích đất được cấp. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã yêu cầu người bị kiện cung cấp toàn bộ hồ sơ cấp đất làm vườn rừng của ông Nguyễn Thế B. Ngày 04/9/2018, UBND huyện S đã trả lời bằng văn bản số 2156/UBND-TNMT, với nội dung UBND huyện S khẳng định hiện không còn lưu hồ sơ bản gốc của quyết định cấp đất làm vườn rừng nêu trên. UBND huyện S cho rằng năm 2011 hộ gia đình ông Nguyễn Thế B đã cung cấp bản sao của quyết định trên cho Hội đồng bồi thường nhưng khi Tòa án yêu cầu UBND huyện S cung cấp bản sao chứng thực quyết định cấp đất của ông Nguyễn Thế B thì UBND huyện S chỉ cung cấp được bản phô tô đóng dấu treo của UBND huyện S chứ không cung cấp được bản sao.

Tài liệu UBND huyện S cung cấp là sổ bản sao chứng thực từ bản chính của UBND thị trấn P quyền số 02 STC/BS, mở sổ ngày 23/6/2011. Quyết định cấp đất làm vườn rừng của ông Nguyễn Thế B đã được UBND thị trấn P chứng thực bản sao từ bản chính ngày 16/11/2011 số 7538 quyền 02/STC/BC trùng khớp với dấu bản sao đúng với bản chính trên quyết định cấp đất làm vườn rừng của ông Nguyễn Thế B. Tuy nhiên, UBND huyện S không xác định được ai là người đi chứng thực quyết định nêu trên tại UBND thị trấn P, UBND huyện S không đưa ra được căn cứ chứng minh gia đình ông Nguyễn Thế B đã chứng thực quyết định trên.

Tại phiên đối thoại ngày 10/9/2018 người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Nguyễn Thị D khẳng định quyết định cấp đất làm vườn rừng của ông Nguyễn Thế B là do Ban giải phóng mặt bằng huyện S đưa cho gia đình.

Ủy ban nhân dân huyện S cung cấp tài liệu, chứng cứ là bản đồ đo vẽ tháng 06/2000 tờ bản đồ P6-25 của thị trấn P trên sơ đồ không thể hiện được phần diện tích đất chủ sử dụng là ông Nguyễn Thế B và các con (gồm có hộ bà Nguyễn Lan A); sơ đồ đo vẽ trên cũng không phải là căn cứ để xác định loại đất theo quy định tại Điều 11 của Luật đất đai năm 2013, Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ. Kèm theo sơ đồ địa chính năm 2000 là sổ mục kê đất, tuy nhiên theo nội dung của sổ thì đất của hộ ông B đều là đất vườn và đất ở, không có đất rừng. Tại Công văn số 2852 ngày 15/11/2018, UBND huyện S đã ghi rõ: Tại địa bàn tổ 3b, thị trấn P hộ ông Nguyễn Thế B chỉ có 1 diện tích đất đã bị thu hồi, không còn diện tích đất nào khác.

Ngoài ra, căn cứ Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 04/QĐTTLH ngày 19/4/2004 của TAND huyện S công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Thế B và bà Vũ Thị Ch ghi “Về tài sản.... riêng đất nông nghiệp có S = 3ha, 2 bên tự thỏa thuận”. Điều 13 Luật Đất đai năm 2003 quy định : “1. Nhóm đất nông nghiệp bao gồm các loại đất

a) Đất trồng cây hàng năm gồm đất trồng lúa, đất đồng cỏ dùng vào chăn nuôi, đất trồng cây hàng năm khác;

b) Đất trồng cây lâu năm;

c) Đất rừng sản xuất;

d) Đất rừng phòng hộ;

đ) Đất rừng đặc dụng;

e) Đất nuôi trồng thủy sản;

g) Đất làm muối;

h) Đất nông nghiệp khác theo quy định của Chính phủ;”

Như vậy, UBND huyện S không có đủ căn cứ để chứng minh diện tích đất hồi 1.502,1m² đã ban hành quyết định thu hồi số 456/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 là đất rừng sản xuất và phải xác định theo quy định tại Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính Phủ về việc xác định loại đất đối với trường hợp sử dụng đất không có giấy tờ giấy tờ quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều 11 của Luật Đất đai được thực hiện theo quy định sau đây: “1. Trường hợp đang sử dụng đất ổn định mà không phải do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì loại đất được xác định theo hiện trạng đang sử dụng”. Diện tích đất trên do gia đình ông B (là bố của bà Lan A) khai hoang sử dụng từ năm 1985 đến năm 2004, trong suốt quá trình sử dụng không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt hành chính về hành vi sử dụng đất trái pháp luật hoặc có hành vi hủy hoại đất, lấn chiếm đất bất hợp pháp.

Như vậy, có đủ căn cứ để xác định diện tích đất 1.187,93m² UBND huyện S đã ban hành quyết định thu hồi số 456/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 là đất trồng cây hàng năm theo hiện trạng sử dụng đất tại biên bản kiểm đếm, số lượng đất đai, tài sản, hoa màu ngày 09/02/2018.

Từ những phân tích trên, nhận thấy yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND huyện S về việc thu hồi đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe khách thị trấn P, huyện S đối với hộ ông Nguyễn Trung Nghĩa là có căn cứ và được chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu hủy một phần Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 và một phần Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của UBND huyện S về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe khách thị trấn P liên quan đến hộ bà Nguyễn Lan A có liên quan và ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Lan A.

[6.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định: Theo điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai quy định “ Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 66 của Luật này quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư..”. Căn cứ vào Điều 66 Luật đất đai thì UBND cấp huyện có thẩm quyền ban hành Quyết định phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Như vậy, UBND huyện S đã ban hành quyết định đúng thẩm quyền.

[6.2] Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định:

Ngày 12/02/2018 Trung tâm phát triển quỹ đất huyện S ban hành thông báo số 27/TB-TTPTQĐ về niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng chợ văn hóa bến xe khách thị trấn P. Tại biên bản họp lấy ý kiến trực tiếp vào dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng chợ văn hóa - Bến xe khách thị trấn P các hộ dân không có ý kiến tham gia vào dự thảo phương án bồi thường vì chưa nhất trí chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án. Nội dung biên bản kết thúc việc niêm yết thông báo số 27/TB-TTPTQĐ ngày 12/02/2018, tổ trưởng tổ dân phố, UBND thị trấn P, UBND huyện S không nhận được ý kiến đóng góp trực tiếp hoặc bằng văn bản của hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi.

Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND huyện S. Trong quá trình lập bảng tổng hợp áp giá bồi thường ngày 20/4/2018 còn một số hạng mục chưa thực hiện việc áp giá. Đến ngày 28/5/2018 đã tiến hành tổng hợp áp giá bồi thường hoa màu bổ sung. Ngày 29/5/2018 UBND huyện S ban hành quyết định số 567/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa – Bến xe khách thị trấn P. Như vậy, đã đảm bảo thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định tại điều 69 Luật đất đai năm 2013.

[6.3] Về nội dung quyết định: Như đã phân tích ở phần [5] diện tích đất

3.450.56m² của bà Nguyễn Lan A không được xác định là đất rừng sản xuất. Vì vậy, UBND huyện S phải thu hồi bồi thường theo hiện trạng sử dụng đất là đất trồng cây hàng năm.

Từ những phân tích trên, cho thấy yêu cầu khởi kiện hủy một phần Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 và một phần Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của UBND huyện S về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe khách thị trấn P liên quan đến hộ bà Nguyễn Lan A là có căn cứ nên được Tòa án chấp nhận.

[7] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải ngừng phiên tòa, bởi lẽ trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của người khởi kiện cũng như các chứng cứ làm căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét toàn bộ nội dung vụ án.

[8] Những người có tên trong sổ hộ khẩu với bà Nguyễn Thị Lan A đều xác định diện tích bị thu hồi là tài sản riêng của bà Nguyễn Lan A. Tòa án xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Lan A không ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người có tên trong sổ hộ khẩu. Vì vậy Tòa án không đưa những người có tên trong sổ hộ khẩu vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[9] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện được Tòa án chấp nhận nên người khởi kiện không phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Lan A.

Hủy Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND huyện S về việc thu hồi đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe khách thị trấn P, huyện S đối với hộ bà Nguyễn Lan A.

Hủy một phần Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 và một phần

Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của UBND huyện S về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe khách thị trấn P liên quan đến hộ bà Nguyễn Lan A.

2. Về án phí: UBND huyện S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Người khởi kiện bà Nguyễn Lan A không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Lan A 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2010/0000273 ngày 26/6/2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

“Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh;
- Các đương sự;
- Cục THADS;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Phi Long

